TÒA ÁN NHÂN DÂN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
HUYỆN TO, TP. HN	**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 69/2022/HS - ST
Ngày 25/10/2022
V/v: Lại Quý Đ"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TO, THÀNH PHỐ HN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông **NGUYỄN TIẾN HÙNG**
Các hội thẩm nhân dân:

Bà **NGUYỄN THỊ MINH HUYỀN**, cán bộ nghỉ hưu xã Kim Thư, huyện TO, thành phố HN.

Bà **NGUYỄN THỊ NGUYỆT,** cán bộ nghỉ hưu xã Cao Viên, huyện TO, thành phố HN.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **LÊ THỊ THU HÀ,** Thư ký Tòa án nhân dân huyện TO, Thành phố HN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TO tham gia phiên tòa:

Bà **NGUYỄN THỊ HẠNH –** Kiểm sát viên.

Trong ngày 25tháng 10 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện TO, Thành phố HN, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số: 67/2022/TLST- HS ngày 10 tháng 10 năm 2022 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 68/2022/QĐXXST - QĐ ngày 11 tháng 10 năm 2022 đối với:

Bị cáo: **Lại Quý Đ,** tên gọi khác: Không có, Giới tính: Nam.Sinh ngày 30 tháng 8 năm 1996 Tại: Buôn Đôn, Đăk Lăk.Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở: Thôn TB, xã TH, huyện VT, tỉnh TB. Quốc tịch: Việt Nam; Dântộc: Kinh,Tôn giáo: Không. Trình độ văn hóa: 12/12. Nghề nghiệp: Lao động tự do.Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không. Họ tên bố: Lại Văn Đ, sinh năm: 1963.Họ tên mẹ: Nguyễn Thị M, sinh năm: 1971. Gia đình có 05 anh, chị em, bị cáo là con thứ ba. Vợ, con: Không. Nhân thân, tiền án, tiền sự: Không

Hiện bị cáo đang bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú tại phiên tòa có mặt.

Người bị hại:

Anh **Tào Văn S**, sinh năm 1991,

Chị **Nguyễn Thị Hồng Đ**, sinh năm 1990.

Trú tại: Thôn DT, xã TT, huyện TO, Tp.HN. Tại phiên tòa có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 6/2021 chị Nguyễn Thị Hồng Đ (sinh năm: 1990, trú tại: thôn DT, xã TT, huyện TO, thành phố HN) có quen biết với Lại Quý Đ (sinh năm 1996, HKTT: thôn TB, xã TH, huyện VT, tỉnh TB) qua mạng xã hội Facebook. Quá trình quen biết và nói chuyện, Đ giới thiệu bản thân đang làm việc tại Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Quốc tế TĐT (địa chỉ: ngõ 2, phố Thọ Tháp, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố HN), có chức năng vận chuyển và mua bán các loại hàng hóa như vòng bi, bu lông, ốc vít..... Do gia đình có nhu cầu mua mặt hàng vòng bi (để gia công cửa xếp) với số lượng lớn nên chị Đ đã hỏi mua của Đôn, Đ hứa hẹn có thể mua được vòng bi với giá cả hợp lý.

Ngày 22/9/2021, Đ xin nghỉ việc tại Công ty TĐT nhưng Đ không nói cho chị Đ biết để chị Đ tin tưởng mua hàng của Đ. Lúc này, do cần tiền tiêu sài cá nhân Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền của chị Đ. Chị Đ và Đ thỏa thuận giá cả, thời gian giao hàng và thống nhất để anh Tào Văn S, sinh năm 1991 (là em chồng chị Đ, anh S cũng có xưởng cơ khí tại thôn DT, xã TT) đại diện gia đình ký hợp đồng với Đ.

Ngày 25/9/2021, Đđã soạn hợp đồng, nội dung thể hiện Đlà Đại diện bên A (Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu Quốc tế TĐT) mua bán hàng hóa vòng bi mã 608 với anh Tào Văn S, khối lượng 300.000 chiếc, giá là 168.000.000 đồng, phải thanh toán trước 70% là 117.600.000 đồng cho Đ, số tiền còn lại khi nào nhận hàng sẽ thanh toán nốt. Sau khi soạn xong hợp đồng, Đ đã ký tên trước vào hợp đồng (đại diện bên A), sau đó Đ thuê shipper giao hàng chuyển hợp đồng trên đến gia đình anh S để ký hợp đồng. Sau khi nhận được hợp đồng, chị Đ có thắc mắc về việc tại sao hợp đồng không có dấu công ty thì Đ nói dối do đang dịch bệnh covid-19, chỗ ở của Đ bị phong tỏa cách ly nên chưa đến công ty xin dấu được, khi nào hết giãn cách thì Đ sẽ xin dấu sau. Anh S tin tưởng nên đã ký tên vào hợp đồng nhưng chưa chuyển tiền cho Đ ngay. Do cần tiền tiêu sài cá nhân, Đ đã liên tục gọi điện, thúc giục chị Đ chuyển tiền cho Đ.

Ngày 27/9/2021, anh S đã sử dụng tài khoản ngân hàng số 2204205168 mang tên Tào Văn S mở tại ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn (Agribank) chi nhánh Bình Đà thuộc xã Bình Minh, TO, HN chuyển khoản số tiền 117.600.000 đồng vào tài khoản của Đ 0931004209051 tại ngân hàng Viecombank. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền Đ đã tiêu sài cá nhân hết và không đặt hàng cho anh S.

Sau khi anh S chuyển tiền cho Đ, chị Đ thường xuyên liên hệ với Đ để hỏi về tiến độ đặt mua hàng vòng bi thì Đ nói với chị Đ là sẽ giao hàng đúng thời hạn đã thỏa thuận, do tin tưởng chị Đ tiếp tục hỏi đặt mua của Đ số lượng lớn mặt hàng bánh xe (sử dụng để lắp vào chân ghế ngồi). Do cần tiền tiêu sài cá nhân nên Đ tiếp tục nảy sinh ý định

chiếm đoạt tiền của chị Đ. Đhứa hẹn là sẽ mua được mặt hàng bánh xe và sẽ bàn giao cùng đợt hàng vòng bi của anh S, nên ngày 15/10/2021, thông qua số tài khoản của anh Tào Văn Sim (chồng chị Đ) là 55099936 tại ngân hàng VP Bank, chị Đ chuyển cho Đ số tiền 30.000.000 đồng để đặt mua hàng. Sau khi nhận được tiền, Đđã không đặt hàng, mà sử dụng số tiền đã nhận được để tiêu sài cá nhân hết.

Tại Bản kết luận giám định số 1880/KL-KTHS ngày 30/6/2022 của Viện khoa học hình sự - Bộ Công an, kế luận:

"Chữ ký, chữ viết đứng tên Lại Quý Đ dưới mục "ĐẠI DIỆN BÊN A" tại "Trang 3/3" trên mẫu cần giám định ký hiệu A so với chữ ký, chữ viết của Lại Quý Đ trên các mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M3 do cùng một người ký, viết ra."

Việc thu giữ, tạm giữ đồ vật, tài liệu và xử lý vật chứng: Không có

Về trách nhiệm dân sự: Tháng 11/2021 Đđã trả cho chị Đ 1.000.000 đồng, chị Đ yêu cầu Đ phải trả số tiền còn lại: 29.000.000 đồng, anh S yêu cầu Đ phải trả 117.600.000 đồng.

Cáo trạng số 65/CT – VKS ngày 07/10/2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Thành phố HN truy tố bị cáo về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo quy định tại Đ c khoản 2 điều 174 Bộ Luật Hình sự.

Tại phiên tòa, kiểm sát viên giữ quyền công tố đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Đ c khoản 2 Điều 174, Đ s khoản 1 Điều 51, Đ g khoản 1 điều 52,điều 38 của Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 đề nghị xử phạt bị cáo Lại Quý Đ mức án từ 36 (ba sáu) tháng tù đến 42(bốn hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án về tội: "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải trả chị Nguyễn Thị Hồng Đ 29.000.000 đồng, trả anh Tào Văn S số tiền: 117.600.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung bị cáo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật

Tại phiên tòa bị cáo không tranh luận, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ;

Trên cơ sở nội dung của vụ án, căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1].**Về tố tụng**: Cơ quan điều tra Công an huyện TO và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TO và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lại Quý Đ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng và không kêu oan. Do

đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều đúng quy định của pháp luật.

[2].**Về tội danh và điều luật áp dụng**: Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ đã được kiểm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để xác định:

Do cần tiền tiêu sài cá nhân, Lại Quý Đ đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị Hồng Đ, anh Tào Văn S. Ngày 27/9/2021 và ngày 15/10/2021, Đ đã có hành vi gian dối, đưa ra các thông tin không đúng sự thật để chiếm đoạt tổng số tiền 147.600.000 đồng của anh S và chị Đ, thông qua việc mua bán hàng hóa là vòng bi và bành xe. Sau khi nhận được tiền, Đ đã tiêu sài cá nhân hết.

Bản Cáo trạng số: 65/CT – VKS ngày 07/10/2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện TO, Tp. HN đã truy tố bị cáo về tội: "*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*" theo Đ c khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là có căn cứ đúng người, đúng pháp luật.

Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản

1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt tài sản mà còn vi phạm;

b) Đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 175 và 290 của Bộ luật này, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm;

c) Gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội;

d) Tài sản là phương tiện kiếm sống chính của người bị hại và gia đình họ.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

c*) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;*

Xét tính chất vụ án: Đây là vụ án có tính nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi Lừa đảo chiếm đoạt tài sản của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất lòng tin trong nhân dân,xâm phạm đến an ninh, trật tự địa phương, khu vực dân cư, bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ bản thân không có chức năng nhiệm vụ, thẩm quyền ký hợp đồng mua bán hàng hóa nhưng đã hứa hẹn, làm hợp đồng giả, tạo lòng tin, hai lần chiếm đoạt tiền của người bị hại với tổng số tiền: 147.600.000*(một trăm bốn bảy triệu sáu trăm nghìn)* đồng để

tiêu sài cá nhân, vì vậy cần có mức án nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo nhằm răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung.

[3].Các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[3.1].Tình tiết tăng nặng: Phạm tội 02 lần trở lên (quy định Đ g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự).

[3.2].Về tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo đã khai báo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, nhân thân chưa có tiền án, tiền sự, nên cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015

[4].Về hình phạt bổ sung: Xét bản thân bị cáo việc làm không ổn định vì vậy miễn áp dụng hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[5].Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Lại Quý Đ phải trả chị Nguyễn Thị Hồng Đ số tiền 29.000.000(hai mươi chín triệu)đồng, trả lại anh Tào Văn S số tiền 117.600.000(một trăm mười bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng.

[6].Về vật chứng vụ án: Không có

[7].**Về án phí**: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 bị cáo phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm.

[8].Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH;

1. Tuyên bố: Bị cáo **Lại Quý Đ**, phạm tội: **Lừa đảo chiếm đoạt tài sản**.

2. Áp dụng: Đ c khoản 2 Điều 174; Đ s khoản 1 điều 51, Đ g khoản 1 điều 52, điều 38 bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: **Lại Quý Đ**: **42**(bốn mươi hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng điều 48 Bộ luật Hình sự, điều 584, 585 Bộ luật dân sự năm 2015 buộc bị cáo Lại Quý Đ phải trả chị Nguyễn Thị Hồng Đ số tiền 29.000.000(hai mươi chín triệu)đồng, trả lại anh Tào Văn S số tiền 117.600.000(một trăm mười bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Án phí và quyền kháng cáo của bị cáo: Áp dụng các điều 136.331.333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, điều 23 Nghị quyết số 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí tòa án.

Bị cáo phải nộp: 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm và 7.330.000(bảy triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng án phí dân sự trong hình sự.

Án xử công khai sơ thẩm, bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 25/10/2022.

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp.HN;
- Sở Tư pháp HN;
- VKSND Huyện TO;
- Công an Huyện TO;
- Người tham gia tố tụng; (bị cáo, bị hại)
- UBND xã TH;
- Lưu Hồ Sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN TIẾN HÙNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

***Nơi nhận*:**
- TAND Tp.HN;
- Sở Tư pháp HN;
- VKSND Huyện TO;
- Công an Huyện TO;
- Người tham gia tố tụng; (bị cáo, bị hại)
- UBND xã TH;
- Lưu Hồ Sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

NGUYỄN TIẾN HÙNG

CÁC THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**